

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 6 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn - không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm: 1990.
Địa chỉ:, khóm W, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh C - sinh năm: 1990.
Địa chỉ:, khóm W, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh C chung sống với nhau từ năm 2006, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C suốt ngày chỉ biết rượu chè, khi về đến nhà thì kiếm chuyện gây gổ với vợ con. Khoảng 03 tháng nay, chị H đưa hai con nhỏ là cháu T và cháu L về sống chung với cha mẹ ruột ở Phường 3, thành phố Sa Đéc. Nay chị H nhận thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với anh C, cuộc sống hôn nhân với anh C không có hạnh phúc; chị H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh C.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung tên Võ Thị Kiều P - sinh ngày: 28/7/2007 (*hiện đang sống với anh C*), Võ Thị Kiều T - sinh ngày: 16/02/2009 và Võ Thị Kiều L - sinh ngày: 18/10/2013 (*hiện 02 cháu T và L đang sống với chị H*). Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền nuôi 03 con chung; Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 03 con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là không có; không tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, không có tổ chức đám cưới, cũng không có đăng ký kết hôn; thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng hai năm nay vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi nhau; nguyên nhân là do anh C đi làm về, buổi chiều thường hay đi nhậu với bạn bè, chị H không đồng ý nên vợ chồng gây gổ. Bản thân anh C nhận thấy việc thường xuyên ăn nhậu, gây gổ với vợ con là không đúng, anh C vẫn còn thương chị H, anh C mong chị H cho anh C cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh C cũng đồng ý.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung tên P - sinh ngày: 28/7/2007 (*hiện đang sống với anh C*), T - sinh ngày: 16/02/2009 và L - sinh ngày: 18/10/2013 (*hiện 02 cháu T và L đang sống với chị H*). Khi ly hôn, anh C đồng ý giao 03 con chung cho chị H được quyền nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi 03 con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh C xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị H và anh C là cháu P và cháu T trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cả hai cháu P và T đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh C.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh C.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị H, anh C về việc nuôi con chung sau ly hôn. Giao cho chị H được quyền nuôi 03 con chung tên P - sinh ngày: 28/7/2007 (*hiện đang sống với anh C*), T - sinh ngày: 16/02/2009 và L - sinh ngày: 18/10/2013 (*hiện 02 cháu T và L đang sống với chị H*). Anh C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự chị H và anh C cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị H về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh C; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị H và anh chung sống như vợ chồng từ năm 2006, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay, chị H và anh C phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị H và anh C đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống như vợ chồng giữa chị H và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh C chỉ biết rượu chè, khi về đến nhà thì kiểm chuyện gây gổ với vợ con. Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh C và có yêu cầu được ly hôn anh C. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị H cũng không trở về chung sống với anh C.

Về phía anh C cũng thừa nhận là có thường hay nhậu với bạn bè sau khi đi làm về, do chị H không thích nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau. Nay anh C nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị H và mong chị H cho anh C cơ hội để sửa đổi; tuy nhiên nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh C cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh C không có sự sẻ chia, cảm thông cho nhau, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị H yêu cầu được ly hôn anh C là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, nhưng do chị H và anh C không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử không công nhận chị H và anh C là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn, chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên T - sinh ngày: 16/02/2009, L - sinh ngày: 18/10/2013 (*hiện 02 cháu T và L đang sống với chị H*) và cháu P - sinh ngày: 28/7/2007 (*hiện đang sống với anh C*). Về phía anh C cũng đồng ý giao 03 con chung cho chị H được quyền nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy; sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị H và anh C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con trong sinh hoạt, học tập nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 03 con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự chị H và anh C cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh C.

2. Về nuôi con chung: Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung tên P - sinh ngày: 28/7/2007 (*hiện đang sống với anh C*), T - sinh ngày: 16/02/2009 và L - sinh ngày: 18/10/2013 (*hiện 02 cháu T và L đang sống với chị H*). Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 03 con chung sau ly hôn.

- Anh C có trách nhiệm giao con chung tên P - sinh ngày: 28/7/2007 (*hiện đang sống với anh C*) cho chị H nuôi dưỡng.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp ngày 22/5/2020 theo biên lai thu số 0000984 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Quốc C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Trần Quốc Danh